

Số: /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2021

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng 7
năm 2021

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 7 năm 2021 như sau:

I. Báo cáo số liệu khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam.

1. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 6 năm 2021

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 6 năm 2021 đạt 61.834.000 tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ) tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 14.269.000 tấn, tăng 10% với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 19.551.000 tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 27.888.000 tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ 127.000 tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển tháng 6 năm 2021 là: 2.274.000 Teus, tăng 27% so với năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 714.000 Teus, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 748.000 Teus, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 812.000 Teus, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2020.

2. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 6 tháng năm 2021.

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 6 tháng năm 2021 đạt 364.384.000 tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng) tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 91.422.000 tấn, tăng 9% với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 114.277.000 tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 157.670.000 tấn, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ 1.015.000 tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 6 tháng đầu năm 2021 là: 12.737.000 Teus, tăng 25% so với năm 2020, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt 4.137.000 Teus, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 4.189.000 Teus, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 4.411.000 Teus, tăng 26% so với cùng kỳ năm 2020.

Nhận xét:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020, đây là mức tăng trưởng ổn định trong những tháng có dịch Covid-19, các khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua tăng cao như là: khu vực Thái Bình vẫn đang giữ mức tăng trưởng cao nhất là 65% (từ 921.400 tấn tăng lên 1.522.800 tấn), lượng tăng chủ yếu là hàng khô, tổng hợp; khu vực Đồng Tháp tăng 56% (từ 342.278 tấn tăng lên 415.046 tấn) chủ yếu là hàng khô và hàng tổng hợp nội địa tăng 158%; khu vực Quảng Ngãi tăng 38,8%; khu vực Kiên Giang tăng 35%; Khu vực Quảng Nam tăng 35,48% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, một số khu vực cảng biển có lượng hàng thông qua lớn nhất nước và có mức tăng trưởng cao như: khu vực TP. Hồ Chí Minh tăng 8,45% (6.871.366 tấn); khu vực Hải Phòng tăng 15,6% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, bên cạnh những khu vực có mức tăng trưởng cao vẫn có khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua giảm như khu vực cảng biển Mỹ Tho giảm 41% (từ 982.319 xuống còn 575.736 tấn); khu vực Cần Thơ giảm 6%; khu vực Quảng Ninh có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhưng giảm 16% (8.501.659 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng một số khu vực lớn nhất như: TP. Hồ Chí Minh đạt 88,23 triệu tấn, Vũng Tàu đạt 59,07 triệu tấn, Hải Phòng đạt 46,88 triệu tấn, Quảng Ninh đạt 45,79 triệu tấn.

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 6 tháng năm 2021 tăng 25% cùng kỳ năm 2020, đó là mức tăng trưởng cao nhất trong vài năm gần đây. Khu vực có khối lượng hàng container thông qua tăng cao là: Khu vực Quảng Nam tăng 120,15% (từ 44.367 Teus tăng lên 97.673 Teus); Mỹ Tho tăng 60% (7.294 Teus tăng lên 11.681 Teus); một số khu vực cảng biển có tổng khối lượng hàng container thông qua lớn nhất cả nước chiếm 92% tổng khối lượng hàng container thông qua cảng biển của cả nước tăng mạnh đặc biệt là container xuất nhập khẩu như: khu vực Vũng Tàu tăng 41% (1.326.262 Teus); khu vực TP. Hồ Chí Minh tăng 16,46%; khu vực Hải Phòng tăng 19,82%. Tuy nhiên, vẫn còn một số khu vực có khối lượng hàng container thông qua cảng biển giảm mạnh như: khu vực Quảng Ninh giảm 94% (36.071 Teus); khu vực An Giang giảm 43% (từ 10.219 Teus xuống còn 5.867 Teus); khu vực Thanh Hóa giảm 55,6%; khu vực Cần Thơ giảm 21% so với cùng kỳ năm 2020.

- Số lượt hành khách thông qua cảng biển tháng 6 năm 2021 đạt 186.909 lượt giảm 61% (296.312 lượt) so với cùng kỳ năm 2020 (phần lớn là khối lượng hành khách nội địa tuyến bờ ra đảo và hành khách đi theo tàu chở hàng). Số lượt hành

khách thông qua cảng biển 6 tháng năm 2021 đạt 2.363.420 lượt giảm 23% so với cùng kỳ năm trước.

3. Ước tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 7 tháng năm 2021 là: 425.115.000 tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020.

- Hàng xuất khẩu đạt 106.659.000 tấn, tăng 9% với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 133.323.000 tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 183.948.000 tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ đạt 1.184.000 tấn.

Trong đó: Ước khối lượng hàng container thông qua cảng biển 7 tháng năm 2021 là: 14.700.000 TEUs, tăng 21% so với năm 2020, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt 4.827.000 Teus, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 4.727.000 Teus, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 5.146.000 Teus, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020.

(Chi tiết biểu mẫu khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 5 năm 2021 tại phụ lục I gửi kèm).

II. Lượt tàu thuyền thông qua cảng biển và Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển bằng phương tiện thủy nội địa (chi tiết tại phụ lục II gửi kèm).

1. Lượt tàu biển thông qua 6 tháng năm 2021, cụ thể:

- Lượt tàu mang cờ quốc tịch nước ngoài thông qua đạt 30.260 lượt, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2020.
- Lượt tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam thông qua đạt 31.040 lượt, giảm 2% với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó:

- + Tàu xuất nhập cảnh đạt 3.778 lượt, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2020.
- + Tàu chạy tuyến nội địa đạt 27.262 lượt, giảm 3% với cùng kỳ năm 2020.

2. Lượt phương tiện thủy nội địa thông qua cảng biển 6 tháng năm 2021, cụ thể:

- Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 174.349 lượt, giảm 6% với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó: Lượt tàu thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt 19.949 lượt, giảm 27% so với năm 2020 và chiếm 11,5% tổng lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

3. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển bằng tàu biển và phương tiện thủy nội địa 6 tháng năm 2021 (không bao gồm hàng quá cảnh không bốc dỡ), như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt 252.757.198 tấn tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020.

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 111.626.972 tấn tăng 1% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó: Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt 31.638.042 tấn, tăng 40% so với năm 2020 và chiếm 28% tổng khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

III. Khối lượng hàng hóa thông qua các cảng do Vinalines Quản lý tháng 6 năm 2021 (Chi tiết tại phụ lục II gửi kèm), cụ thể:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển của các cảng do Vinalines quản lý đạt 47,902 triệu tấn tăng 8% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 13,1% tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển của cả nước, trong đó:

+ Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt 12,028 triệu tấn chiếm 25,1%, thứ 2 là cảng Sài Gòn đạt 6,55 triệu tấn chiếm 13,6% so với tổng khối lượng hàng hóa do Vinalines quản lý.

+ Tăng cao nhất là cảng Cái Cui tăng 154%, Bến Thủy tăng 56% so với cùng kỳ năm trước, cảng giảm nhiều nhất là cảng Hoàng Diệu là 39% so với cùng kỳ năm trước.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng (để đăng Website);
- Lưu VT, VTDVHH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Hồng Giang

Phụ lục I

Biểu số 07-T
Ngày báo cáo: 15/7/2021

Đơn vị báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam
Đơn vị nhân báo cáo: Bộ GTVT (Vụ VT)

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN
Tháng 7/2021

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
	Tổng số	1000 tấn	725,367	364,384	60,731	425,115	400,998	106%	59%
	Hàng xuất khẩu	1000 tấn		91,422	15,237	106,659	98,223		
	Hàng nhập khẩu	1000 tấn		114,277	19,046	133,323	130,573		
	Hàng nội địa	1000 tấn		157,670	26,278	183,948	171,146		
	Hàng quá cảnh	1000 tấn		1,015	169	1,184	1,056		
	Chia ra								
1	<u>Container</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>252,253</u>	<u>125,333</u>	<u>20,889</u>	<u>146,222</u>	<u>133,597</u>	109%	
-	-	<u>1000 Teus</u>	<u>24,884</u>	<u>12,737</u>	<u>1,963</u>	<u>14,700</u>	<u>12,141</u>	121%	59%
	Xuất khẩu	1000 Tấn		39,288	6,548	45,836	41,381		
		1000 Teus		4,137	690	4,827	4,037		
	Nhập khẩu	1000 Tấn		43,671	7,279	50,950	43,360		
		1000 Teus		4,189	538	4,727	3,907		
	Nội địa	1000 Tấn		42,374	7,062	49,436	48,856		
		1000 Teus		4,411	735	5,146	4,197		
2	<u>Hàng lỏng</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>81,927</u>	<u>39,401</u>	<u>6,567</u>	<u>45,968</u>	<u>48,176</u>	95%	56%
	Xuất khẩu	1000 tấn		2,368	395	2,763	3,889		
	Nhập khẩu	1000 tấn		12,580	2,097	14,677	16,928		
	Nội địa	1000 tấn		24,453	4,076	28,529	27,359		
3	<u>Hàng khô</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>391,187</u>	<u>198,635</u>	<u>33,106</u>	<u>231,741</u>	<u>218,169</u>	106%	59%
	Xuất khẩu	1000 tấn		49,766	8,294	58,060	52,953		
	Nhập khẩu	1000 tấn		58,026	9,671	67,697	70,285		
	Nội địa	1000 tấn		90,843	15,141	105,984	94,931		
4	<u>Hàng quá cảnh</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>79,435</u>	<u>36,191</u>	<u>6,032</u>	<u>42,223</u>	<u>42,574</u>	99%	53%

Ghi chú: Hàng hóa thông qua cảng không bao gồm cả hàng hóa quá cảnh không được bốc dỡ tại cảng

PHỤ LỤC II
BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 6 NĂM 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7	
I. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua cảng								
1.1.Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua								
1.1.1.Tổng số lượt tàu biển	lượt	11,244	9,765	115%	61,300	62,788	98%	
1.1.1.1.Tàu ngoại	lượt	5,695	3,840	148%	30,260	31,233	97%	
1.1.1.2.Tàu nội	lượt	5,549	5,925	94%	31,040	31,555	98%	
Trong đó	+ Tàu chạy tuyến nội địa	lượt	4,967	5,413	92%	27,262	28,094	97%
	+ Tàu xuất nhập cảnh	lượt	582	512	114%	3,778	3,461	109%
1.1.2.Hàng hóa thông qua cảng	tấn	61,834,432	58,322,750	106%	364,384,170	340,732,330	107%	
Trong đó	+ Xuất khẩu	tấn	14,268,603	13,012,914	110%	91,422,748	83,815,874	109%
	+ Nhập khẩu	tấn	19,550,574	20,494,580	95%	114,276,894	110,584,320	103%
	+ Nội địa	tấn	27,887,627	24,522,777	114%	157,669,821	145,470,501	108%

	+ Hàng quá cảnh bốc dỡ	tấn	127,628	292,479	44%	1,014,707	861,635	118%
	+ container	tấn	21,551,836	19,784,433	109%	125,333,412	112,420,898	111%
	+ container	teus	2,273,477	1,795,941	127%	12,736,681	10,151,515	125%
	+ Hàng lỏng	tấn	6,765,311	6,395,864	106%	39,400,843	40,494,700	97%
	+ Hàng kho	tấn	33,389,657	31,848,974	105%	198,635,208	186,955,097	106%
1.2. Sản lượng hàng hóa và số lượng phương tiện thủy nội địa (PTNĐ) thông qua								
1.2.1. Tổng số PTTNĐ		Lượt	30,799	34,821	88%	174,349	185,110	94%
Trong đó tổng số PTTNĐ đăng ký SB		Lượt	3,999	6,891	58%	19,949	27,433	73%
1.2.2. Tổng số tấn PTTNĐ		tấn	18,605,449	20,606,853	90%	111,626,972	110,348,023	101%
Trong đó tổng số PTTNĐ SB vận tải ven biển		tấn	3,750,140	3,750,140	100%	31,638,042	22,673,751	140%
1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển								
Tổng hàng hóa thông qua cảng		tấn	61,834,432	58,322,750	106%	364,384,170	340,732,330	107%
Trong đó	Hàng hóa thông qua cảng bằng tàu biển	tấn	43,228,983	37,715,897	115%	252,757,198	230,384,307	110%
	Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn	18,605,449	20,606,853	90%	111,626,972	110,348,023	101%
II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý								

Cảng Quảng Ninh	Triệu tấn	0.558	0.44	127%	3.299	2.44	135%
Cảng container quốc tế Cái Lân	Triệu tấn	0.286	0.67	43%	2.041	1.99	103%
Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)	Triệu tấn	1.873	1.965	95%	12.028	12.46	97%
Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)	Triệu tấn	0.035	0.003	1167%	0.151	0.107	141%
Cảng Cửa Lò	Triệu tấn	0.33	0.36	92%	2.23	1.88	119%
Cảng Bến Thủy	Triệu tấn	0.04	0.03	133%	0.25	0.16	156%
Cảng Tiên Sa	Triệu tấn	0.843	0.721	117%	4.54	4.407	103%
Cảng Ba Ngòi	Triệu tấn	0.156	0.088	177%	1.032	0.896	115%
Cảng Sài Gòn	Triệu tấn	1.32	0.86	153%	6.55	4.92	133%
Cảng CMIT	Triệu tấn	0.97	1.31	74%	4.82	6.16	78%
Cảng SP-PSA	Triệu tấn	0.54	0.76	71%	3.58	3.03	118%
Cảng SSIT	Triệu tấn	1.04	0.85	122%	6.05	4.83	125%

Cảng Cái Cui	Triệu tấn	0.081	0.075	108%	0.568	0.268	212%
Cảng Hoàng Diệu	Triệu tấn	0.048	0.117	41%	0.335	0.546	61%
Cảng Vinalines Hậu Giang	Triệu tấn	0.064	0.071	90%	0.428	0.422	101%
Cảng Năm Căn	Triệu tấn	0	0	100%	0	0	100%
III. Hàng hóa quá cảnh							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảnh	Tấn	6,039,030	6,677,544	90%	36,190,772	33,461,930	108%
IV. Hành khách	Lượt	186,900	483,212	39%	2,363,420	3,071,681	77%

Ghi chú: Thống kê khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển theo tiêu chí mới từ năm 2018